

MỘT SỐ CÁCH THỨC BIỂU ĐẠT HÀM Ý HỘI THOẠI TRONG “TRUYỆN NGẮN LỖ TẤN”

NGUYỄN THỊ LAN CHI*

TÓM TẮT.

Cách tạo hàm ý hội thoại phổ biến nhất là người phát ngôn vi phạm các phương châm hội thoại, vi phạm nguyên lý lịch sự. Trong “Truyện ngắn Lỗ Tấn”, điều này hoàn toàn đúng, có vi phạm thì sẽ phát sinh ý nghĩa hàm ẩn, đây thuộc về nguyên tắc chung. Ngoài ra, còn có những cách thức khác tạo hàm ý hội thoại nổi bật như: Dùng văn ngôn, tiếng Anh, thành ngữ, nói bỏ lửng, nói so sánh.

Từ khóa: Lỗ Tấn, hàm ý, phương châm hội thoại, nguyên lý lịch sự.

ABSTRACT

Some ways of expressing typical conversational implicatures in “Lu Xun’s stories”

The most common way to create conversational implicatures is that speakers violate conversational maxims and the principle of politeness. In “Lu Xun’s short stories,” this is absolutely true: violations incur implied meaning, which belongs to general principles. In addition, there are other ways to create striking conversational implicatures such as using discourse, English, idioms, incomplete saying, and comparison.

Keywords: Lu Xun, implicature, conversational maxim, principle of politeness.

Lỗ Tấn (1881–1936) là một nhà văn nổi tiếng của Trung Quốc, được giới nghiên cứu văn chương tôn xưng là người đặt nền móng cho văn học hiện đại và là bậc thầy của thể loại truyện ngắn. Với giọng văn lạnh lùng, tỉnh táo, Lỗ Tấn chủ trương dùng ngòi bút để phanh phui căn bệnh tinh thần của quốc dân, thức tỉnh đồng bào. Văn chương của ông ngắn gọn nhưng đầy đủ, khôi hài mà không kém phần sắc sảo, bộc lộ đủ các hàm ý.

1. “Truyện ngắn Lỗ Tấn” biểu thị hàm ý bằng phương thức **vi phạm nguyên tắc hội thoại**. Cách tạo hàm ý này rất phổ biến.

Vi phạm phương châm về lượng

Nói nhiều, miêu tả nhiều – một

phương thức bộc lộ hàm ý.

“Bác Cả Khang thấy mọi người vênh tai nghe, lấy làm thú lắm, những thớt thịt trên mặt nổi từng cục. Bác ta cao hứng nói càng to:

Cái thằng nhãi con ấy không muốn sống nữa, thế thôi. Lần này, tớ chẳng nước mẹ gì. Đến cái áo nó cởi ra, cũng lão Nghĩa, cái lão đề lao, mắt đỏ như mắt cá chép ấy, lấy mắt. May nhất có thể nói là ông Thuyên nhà này, thứ đến là cụ Ba. Cụ ta được thưởng hai mươi lạng bạc trắng xóa, một mình bỏ túi tất, chẳng mất cho ai một đồng kẽm!” [9, tr.67].

“Cái thằng nhãi con” là cách gọi chiến sĩ cách mạng Hạ Du đã bị bắt đi tù và bị giết. Cái chết của một chiến sĩ cách

*ThS, Trường Đại học KHXH&NV, Đại học Quốc gia TP HCM; Email: lanchi_anlac@yahoo.com.vn

mạng, bác cả Khang “chẳng nước mẹ gì”, nhưng nhiều người hưởng lợi. Từ lão Nghĩa cai ngục lấy cái áo cuối cùng của người tử tù, đến ông Thuyên mua được cái bánh bao không nhân tằm máu tươi của người chiến sĩ cách mạng mang về cho con ăn trị bệnh lao (theo một quan niệm mê tín máu tươi trị được bệnh lao), rồi cụ Ba qua cái chết của Hạ Du cháu mình bỏ túi luôn hai mươi lạng bạc. Chi tiết ngôn từ đối lập “*một chiến sĩ cách mạng chết/ rất nhiều người hưởng lợi*” cho thấy Lỗ Tấn đã khéo léo dùng ngôn từ thể hiện một xã hội tha hóa có những con người cơ hội, luôn trục lợi, còn người dân thì quá lạc hậu u mê về chính trị.

“Cụ Cố vừa nói vừa bước tới gần AQ, đưa mắt nhìn y từ đầu đến chân:

- AQ này, nghe nói độ này mày đi ra phát tài lắm phải không? Thế thì tốt, tốt lắm. Này! à mà nghe nói mày còn một ít đồ cũ... Còn bao nhiêu cứ đưa đây xem xem... Này! không có ý gì đâu... Chẳng là ta cần dùng...

- Con vừa bảo thím Bẩy đây! Hết cả rồi.

- Hết rồi kia à?

Giọng cụ nghe như thất thanh:

- Sao đã hết chóng làm vậy?

- Chẳng là gặp chỗ quen biết... Và lại có bao nhiêu đâu ạ! Anh em họ giật hết.

- Chắc cũng còn một ít chứ?

- Giờ chỉ còn một bức nghi môn thôi ạ!

Cụ Cố bà lật đật nói:

- Thế thì đưa đến cho xem vậy!

Cụ Cố ông có vẻ lãnh đạm:

- Vậy thì sáng mai! Cứ đưa đến đây nhé. Này, AQ này, từ rày, bất cứ đồ nê gì, hễ có là cứ đưa đến đây, ta xem trước nhé...

Cậu Tú nói:

- Đây không bao giờ trả rẻ đâu mà! Nghe chưa?

Mợ Tú vội liếc nhìn nét mặt AQ xem nó có chú ý gì đến lời cậu Tú hay không.

Cụ Cố bà nói:

- Ta cần mua một cái áo gi-lê.

AQ miệng vâng vâng dạ dạ, nhưng lại uể oải lùi ra về. Cũng chẳng ai biết y có nhớ cho hay không.”[9, tr.148-149)

Chỉ một chủ đề “mua lại đồ cũ”, nhưng cả gia đình cụ Cố đã “nói” rất nhiều, hiểu theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng.

Cụ Cố muốn hỏi nhưng giọng lại ngập ngừng (thể hiện qua 4 dấu chấm lửng). Sao lại ngập ngừng? Khi nghe “hết cả rồi” giọng cụ lại thất thanh hỏi dồn dập: “Hết rồi kia à?”, “Sao đã hết chóng làm vậy?”. Cặp đối lập *ngập ngừng/ dồn dập* đã bộc lộ hàm ý cụ cố tiếc rẻ. Điều này ngầm nói lên rằng cụ đã nhiều lần hưởng lợi khi mua được những món hàng rẻ mạt của AQ. Ra vậy, ngập ngừng để tỏ thái độ “bình thường” còn thất thanh lại bộc lộ thái độ rất tiếc rẻ mạt một món hời.

“Thế thì đưa đến cho xem vậy!”. Giọng lật đật của cụ Cố bà cũng bộc lộ hàm ý lại sợ không mua được.

Cụ Cố Ông có vẻ lãnh đạm khi muốn xem trước “bất cứ đồ nê gì” lại bộc lộ thái độ không hề lãnh đạm với của rẻ

mua hời. Sự đối lập giữa “bề ngoài không mặt mà” với nội dung lời nói “muốn xem trước” các món đồ AQ bán đã bộc lộ hàm ý cụ muốn mua được thứ rẻ nhất.

Cậu Tú không khảo mà xưng “Đây không bao giờ trả rẻ đâu mà!”. Điều này cũng bộc lộ hàm ý gia đình này thường được những món hời mua rẻ của AQ.

Dù “miệng vâng vâng dạ dạ, nhưng AQ lại uể oải lùi ra về.”, trong tiềm thức AQ vẫn nhận ra những con người này chẳng tốt đẹp gì thà không có còn hơn.

Qua sự đối lập giữa hình thức và nội dung, Lỗ Tấn bộc lộ được những hàm ý sâu sắc, lột tả bộ mặt thật của một gia đình địa chủ phong kiến, phê phán loại người giàu có nhưng vẫn muốn mua rẻ, một cách ăn bần những người lương thiện khù khờ. Cách thức thể hiện hàm ý của Lỗ Tấn là đưa ra nhiều chi tiết cụ thể nhưng có ý xoáy vào một điểm trọng tâm, người đọc muốn suy đoán đúng phải dựa vào tiền đề của câu chuyện kết hợp với lời thoại. *Phương châm về lượng* đã bị vi phạm.

Vi phạm phương châm về chất

“Thế mà lăm đưa vẫn chưa chịu thôi, cứ gheo y, thành ra cuối cùng lại đánh nhau. Thực tế thì AQ thua, người ta nắm lấy cái đuôi sam vàng hoe của y và giúi đầu vào tường thành thành bốn năm cái liền rồi mới há dạ bỏ đi. Còn AQ thì đứng ngẩn người ra một lúc, nghĩ bụng:

- Nó đánh mình thì khác gì nó đánh bố nó. Thật thối buổi này hết chỗ nói.

Rồi cũng hờn hờ ra về, về đắc thắng.

Cái điều AQ vừa nghĩ trong bụng,

về sau y nói toạc ra. Vì vậy, những kẻ vẫn hay chọc gheo y đều biết rõ cái thủ đoạn đắc thắng tưởng tượng của y. Cho nên, từ đó hễ đứa nào tóm lấy đuôi sam vàng hoe của y, nó cũng bảo:

- AQ này! Đây không phải là con đánh bố đâu nhé! Đây là người đánh con vật, nghe chưa? Hãy nói đi nào: người đánh con vật.

AQ hai tay cố giữ lấy cái đuôi sam, ghéch đầu lên nói:

- Đánh con sâu! Được chưa! Tớ là sâu! Chưa thả ra à! [...] [9, tr.122].

“Vết sẹo trên đầu AQ đỏ bừng lên. Y vắt mẹ áo xuống đất, nhổ một bãi nước bọt nói:

- Đồ sâu róm !

- Đồ chó ghẻ, mày mắng ai đấy !

Vương Râu xồm vừa trả lời vừa ngược mắt lên, ra vẻ khinh bỉ.” [9, tr.127]

Câu nói: “Nó đánh mình thì khác gì nó đánh bố nó.”, đây là thủ đoạn đắc thắng tưởng tượng của AQ, không đúng sự thật; Từ đó hễ ai tóm được cái đuôi sam vàng hoe của AQ cũng bảo là: “người đánh con vật”, điều này sai vì AQ là con người. Rồi AQ lại nói “Tớ là sâu” lại cũng không phù hợp với thực tế. Câu chửi: “Đồ sâu róm !”, “Đồ chó ghẻ”, không đúng với đối tượng đang hướng đến là một con người bình thường.

“Lão Tây giả đi lại gần.

- Thăng trọc! Đồ con lừa!

Xưa nay AQ thấy hần, vẫn chỉ chửi thảm trong bụng. Nhưng lần này vì “chính khí” mà nổi giận, và vì muốn trả thù, nên trong lúc vô tình y đã thốt thành lời.” [9, tr.129].

“Thằng trọc! Đồ con lừa!”, câu chửi nặng nề, không đúng với hình dáng của một ông Tây giả. Như vậy qua những câu nói, do đặc trưng tưởng tượng hay vì tức giận thốt ra lời chửi đều *vi phạm phương châm về chất* tức nói sai sự thật.

Vi phạm phương châm về quan hệ

“Song Hỷ nói:

- Vâng. Chúng cháu đãi khách đây! Chúng cháu lúc đầu không định lấy của nhà ông đâu... Ô kìa! Ông làm tôm sớ chạy cả rồi kìa!” [9, tr.213].

Ở cuối đoạn thoại, Song Hỷ chuyển sang hướng khác, đang nói về việc trộm đậu thì lại chuyển qua: “Ô kìa! Ông làm tôm sớ chạy cả rồi kìa!”. Hàm ý muốn kết thúc sớm câu chuyện trộm đậu nên đã đánh lạc hướng.

“- Bẩm, ăn được ạ! Bẩm chúng con, thì gì rồi cũng quen cả, ăn được tất. Chỉ có bọn ranh con là chúng nó cứ kêu ca. Nhân tâm càng ngày càng hồng. Mẹ kiếp! Chúng con sẽ phải trị cho mới được.” [9, tr.422].

Chúng con cái gì cũng ăn được cả, chỉ có bọn ranh con là chúng nó cứ kêu ca thức ăn không đủ và không ngon. Đang nói về việc “ăn” thì lại chuyển sang vấn đề “Nhân tâm càng ngày càng hồng”, hai sự việc này xét thấy không có liên quan đến chủ đề đang nói về “ăn”.

“- Chúng bay không biết chữ à? Quả thật là không có óc cầu tiến. Làm thế nào bây giờ? Thôi thì lấy một ít thức ăn của chúng bay đưa lên đây cũng được.” [9, tr.423].

Phê bình nhóm người không biết

chữ là không có óc cầu tiến, đáng lẽ phải có kế hoạch hỗ trợ người mù chữ hoàn thành công việc, đảng này lại bảo lấy thức ăn đưa lên. Xét thấy việc không biết chữ và mang thức ăn lên không cùng đề tài đang nói đến. *Phương châm quan hệ* trong giao tiếp đã bị vi phạm.

Vi phạm phương châm về cách thức

“Cậu Năm Gù ngồi ở góc trong, nghe nói, thú quá:

- Lão Nghĩa là tay võ rất cừ, hai cái tát ấy cũng đủ cho hắn ta xài đấy nhỉ!

- Cái thằng khốn nạn! Đánh, có sợ đâu! Lại còn nói: Thật đáng thương hại, thật đáng thương hại!

Người râu hoa râu nói:

- Đánh cái đồ ấy, thương hại cái gì?

Bác Cả Khang tỏ vẻ khinh bỉ, cười nhạt:

- Ông chưa nghe ra, xem bộ hắn lúc đó, thì hắn muốn nói: Đáng thương hại, là lão Nghĩa đáng thương hại kia!” [9, tr.68].

“Thật đáng thương hại, thật đáng thương hại!”, câu này khiến cho người nghe mơ hồ. Chuyện rằng, Hạ Du là một chiến sĩ cách mạng trẻ bị bắt vào tù, lão Nghĩa cai ngục đến lân la trò chuyện với Hạ Du, anh tuyên truyền “Thiên hạ nhà Mãn Thanh chính là của chúng ta” (nước Trung Quốc là của người Trung Quốc), đây là khẩu hiệu của những nhà cách mạng Trung Quốc năm 1907, hô hào đồng bào nổi dậy chống Mãn Thanh. Thế là lão Nghĩa tát Du hai bạt tai, Du nói lão Nghĩa: “Thật đáng thương hại...”. Vấn

đề khiến người nghe thắc mắc là tại sao lão Nghĩ đánh Hạ Du mà anh lại nói là thật đáng thương hại lão ấy. Ta thấy nơi đây cách thể hiện ngôn từ có ẩn ý, sỗ dĩ nói như vậy vì lão Nghĩ không biết mình đang làm tay sai cho kẻ ác.

“Ông N. có vẻ đặc ý lắm. Bỗng ông ta sa sầm nét mặt, nói:

- Bây giờ, các anh là những người theo đuổi lí tưởng, các anh hô hào phụ nữ cắt tóc, các anh lại làm cho bao nhiêu người sẽ phải chịu khổ mà chẳng được cái gì cả.

Không phải là bây giờ đã có bao nhiêu nữ sinh chỉ vì cắt tóc mà thi vào trường thì bị đánh hỏng, hoặc bị đuổi ra khỏi trường hay sao?

Ừ thì làm cách mạng, nhưng vũ khí đâu? Ừ thì vừa đi học vừa đi làm, nhưng công xưởng đâu?

Cứ để tóc, cứ đi làm đâu! Quên hết thể mà hạnh phúc đấy. Nếu nhớ lấy ít câu tự do bình đẳng thì sẽ khổ suốt đời.

Tôi muốn mượn câu nói của Ác-ba-sép hỏi các anh một điều: “Các anh hứa hẹn sẽ đưa đến cho con cháu những người thời bấy giờ một tương lai xán lạn, nhưng các anh đưa đến cho bản thân họ những cái gì nào?”

Hừ! Ông Trời chưa quất cái roi da của ông vào xương sống Trung Quốc, thì Trung Quốc vĩnh viễn cứ là Trung Quốc như cũ, quyết cũng không chịu tự mình thay đổi một chân tóc. Miệng các anh không có nọc độc thì việc gì các anh lại cứ muốn dán vào trán các anh chữ “rắn độc” to tướng để cho thằng ăn mày cũng chạy lại đánh.

Ông N. càng nói càng quái gở. Nhưng khi thấy tôi có ý không muốn nghe thì ông ta không nói nữa, cầm mũ đứng dậy.” [9, tr.88-89].

Đầu đoạn thoại nói về chuyện cắt tóc, kể đến là làm cách mạng rồi “Quên hết thể mà hạnh phúc đấy. Nếu nhớ lấy ít câu tự do bình đẳng thì sẽ khổ suốt đời”. Sau đó mượn câu nói của Ác-ba-sép (Artzbashev) để hỏi và cuối cùng “Ông Trời chưa quất cái roi da của ông vào xương sống Trung Quốc, thì Trung Quốc vĩnh viễn cứ là Trung Quốc như cũ, quyết cũng không chịu tự mình thay đổi một chân tóc. Miệng các anh không có nọc độc thì việc gì các anh lại cứ muốn dán vào trán các anh chữ “rắn độc” to tướng để cho thằng ăn mày cũng chạy lại đánh”. Ý tứ đoạn thoại rất khó hiểu, đây là cách tạo hàm ý thường có trong truyện ngắn. Vì thế người đọc phải am tường câu chuyện mới phát hiện được hàm ý. Sự việc thế này, sau Cách mạng Tân Hợi, Trung Hoa dân quốc bị bọn quân phiệt giày xéo, từ Viên Thế Khải đến Đoàn Kỳ Thụy, luôn luôn sát hại thanh niên, đày ải dân chúng, làm cho những người đặt hi vọng vào cách mạng trở nên thất vọng, Lỗ Tấn là một trong nhóm người thất vọng ấy. Trong truyện ngắn này, ông tỏ ra phần uất đối với thời cuộc và căm giận đối với bọn quân phiệt mà mượn cửa miệng ông N. nào đó. Thực ra, những điều ông N. nói toàn là những sự thật chính bản thân Lỗ Tấn đã từng trải mà ông có thuật lại ở những nơi khác, tức là cắt bìn trong khi lưu học; Dùng bìn giả trong khi về nước; Chỉ vì không có bìn

mà bị nghi kị đề phòng trong khi làm kiểm học. Lỗ Tấn có thất vọng về Cách mạng Tân Hợi, nhưng không hề tiêu cực như những người khác thất vọng. Ngẫm mấy câu ông N. nói sau cùng, ta thấy tác giả có ý vì muốn “ban cái gì cho chính mình bọn người hiện thời” mà chủ trương dùng “roi da” quật vào thời cuộc, lấy “nọc độc” chích vào kẻ phản cách mạng, tức là nhóm lại phong trào cách mạng và đưa nó lên cao độ hơn.

2. Dùng từ ngữ nặng nề không lịch sự là cách tạo hàm ý. Loại này có tần suất xuất hiện tương đối cao.

“AQ mắng và lườm cu D bằng một cặp mắt rất dữ tợn, rồi nhổ một bãi nước bọt:

- Đồ súc sinh!” [9, tr.140].

AQ tuy là một cố nông nhưng lại mang tư tưởng của giai cấp thống trị. Theo Karl Marx (1818-1883): “Những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị”. Trong lịch sử tiến hóa của nhân loại, giai cấp nông dân không hề có một triết gia, một tư tưởng nào cả. Vì vậy, AQ về vật chất là 0 (zero) “Sinh vô gia cư, tử vô địa táng”; Về tinh thần, hệ tư tưởng cũng zero. Không vật chất, không tinh thần làm sao sống được? AQ rơi vào khoảng trống của tinh thần và tư tưởng, nên AQ đã phải vay mượn, bám víu lấy tư tưởng của giai cấp thống trị để tồn tại. Rõ ràng sự tồn tại của AQ trong tác phẩm được biểu hiện qua: 1. Thích tự tôn; 2. Sợ người có thế lực bắt nạt kẻ yếu (Sợ mạnh hiếp yếu); 3. Tính ảo tưởng ngông cuồng; 4. Lưu manh; 5. Giải về

đầu cơ; 6. Phép thắng lợi tinh thần; 7. Tính nô lệ. AQ đã vơ vào mình tất cả, đây chính là nét nổi bật về tinh thần của giai đoạn cuối cùng hình thái lịch sử xã hội phong kiến Trung Quốc ở triều Mãn Thanh. Đặc điểm tinh thần thứ hai của AQ là “Sợ mạnh hiếp yếu”. AQ đoán biết cu D ốm yếu đánh không thắng mình, AQ chửi cu D “Đồ súc sinh!”, chửi xong rồi vồ tới tóm lấy đuôi sam. Điều này Lỗ Tấn ngầm nói lên xã hội phong kiến đã tạo ra những con người ngạo mạn, hống hách.

“- Không nhè lúc nào, lại nhè ngay vào giữa lúc này! Rõ là đồ khôn kiếp!” [9, tr.220].

Chị Tường Lâm bị gả đi hai lần, sự việc này vi phạm luân lý đạo đức truyền thống của xã hội phong kiến (mặc dù chị không muốn như thế), chị bị xem là người đàn bà dơ bẩn, làm bại hoại phong tục. Chú Tư đại diện cho giai cấp địa chủ bóc lột, chủ trương duy trì lễ giáo phong kiến, tất nhiên cho rằng chị Tường Lâm là người không trong sạch. Cái chết đến với chị không may đúng vào thời điểm sắp bước sang năm mới, do vì tập tục mê tín quá sâu nặng, chú Tư cảm thấy rất xui xẻo và mắng “đồ khôn kiếp”. Chị Tường Lâm đã nhiều năm làm công trong nhà chú Tư, thế nhưng trước cái chết của chị, chú Tư bằng một thái độ lạnh lùng không thương xót đã nặng lời mắng chửi. Câu chửi của chú Tư ngầm thông báo cho chúng ta biết rằng xã hội phong kiến cổ hủ, mê tín; con người sống trong xã hội không có tình người, ngoài chính mình, họ không quan tâm đến ai, kể cả đối với

những người “đã nhiều năm làm công trong nhà mình”.

3. *Dùng văn ngôn* là cách tạo hàm ý nổi bật trong “Truyện ngắn Lỗ Tấn”

Văn ngôn (ngôn ngữ viết), dựa trên cơ sở ngôn ngữ của tiếng Hán cổ, tồn tại đến những năm đầu thế kỉ XX. Thể văn ngôn là thể văn thông dụng trong giới nhân văn trí thức, lời văn gọn gàng, tao nhã nhưng ý rất sâu xa.

“- Lấy sách không phải là ăn cắp! Có biết chữ mới lấy sách chứ? Thế mà bảo là ăn cắp được à?”

Tiếp theo là những câu khó hiểu nào là “Quân tử cố cùng”, nào là “giả hồ”, làm cho mọi người cười dậy lên. Trong quán ngoài quán không khí nhộn nhạo.” [...] [9, tr.55].

“Có mấy lần, bọn trẻ con hàng xóm nghe tiếng cười cũng chạy đến xem, vây lấy bác ta. Bác ta lấy đậu cho mỗi đứa một hạt. Ăn hết đậu, chúng nó vẫn đứng đấy không đi, mắt nhìn dán vào cái đĩa. Bác ta hoảng lên, xòe cả năm ngón tay ụp lấy đĩa, cúi khom xuống, nói:

- Chẳng còn bao nhiêu nữa! Rồi đứng thẳng dậy, nhìn đĩa đậu, lắc đầu:

- Không nhiều nữa. Nhiều ư? Có nhiều đâu!

Thế là bọn trẻ con cười ồ lên, chạy tứ tán.” [9, tr.57].

“Không Át Kỳ là người có học, nhưng trước những khách rệu nghèo (đá phần mù chữ) ông dùng văn ngôn là không phù hợp. Và trước bọn trẻ con, ông nói chữ như thế là không đúng đối tượng. Biết chắc là họ không hiểu mà vẫn nói, vì ông muốn chứng tỏ mình là người

trí thức. Như vậy, ông gần gũi với cái học gần gũi. “Quân tử cố cùng”, từ ngữ trong sách Luận ngữ, ý nghĩa là người quân tử dù trong lúc cùng khổ vẫn giữ trọn khí tiết, không thay đổi, không vì nghèo khó mà phạm lễ nghi, mất đạo đức. “Giả hồ”, hư tự dùng trong văn ngôn, ý nói tỏ ra có học hơn người, là câu đầu lưỡi của cỗ hiện nhân. “Không nhiều nữa. Nhiều ư? Có nhiều đâu!”, câu này nguyên văn là: “*Đa hồ tai, bất đa dã*” chữ trong sách Luận ngữ. Đoạn này Lỗ Tấn muốn ám chỉ tới tầng lớp trí thức trong xã hội phong kiến Trung Quốc, bị chế độ khoa cử đầu độc trở thành những người vô dụng.

4. *Dùng tiếng Anh* cũng là cách tạo hàm ý nổi bật.

“- My dear, please.// - Mời anh.

- Please you eat first, my dear.// - Em gấp trước đi.

- Oh no, please you! “// -Không, không, anh gấp đi! [...] [9, tr.254].

“Come in, please, my dear.”// Vào đi. Em thân mến. [9, tr.256].

Câu chuyện là một trong những đề tài được nhiều thanh niên quan tâm. Vì lúc ấy những trí thức mới và cũ đều có khả năng nhận ra sự bất bình thường của xã hội, họ đều muốn cứu vớt cái xã hội ấy, con đường mà họ chọn lại là cách vẽ ra một “*Gia đình hạnh phúc*” ở một tỉnh A nào đó (do bấy giờ Trung Quốc đang có biến động lớn về chính trị, Lỗ Tấn suy nghĩ mãi vẫn không chọn được một tên tỉnh nào cả), nơi ấy người dân có cuộc sống tốt. Ông cho phương Tây là biểu tượng của tiến bộ và khôn ngoan, phương

Đông là biểu tượng của truyền thống. Trong vở kịch một màn *Người qua đường* (1925), ông miêu tả một hành nhân từ phương Đông đi tìm kiếm sự thật, chân lí, sự khôn ngoan mà người này mơ hồ cảm thấy nó ở đâu đó về phương Tây. Dù gặp khó khăn cũng không bỏ cuộc (hành nhân này có khi chính là Lỗ Tấn). Trong truyện sử dụng những câu tiếng Anh nhẹ nhàng, lịch sự; Hàm ý mơ ước một nơi chốn bình yên cùng đời sống văn minh hạnh phúc.

“- Good morning! //古貌林! //
Chào buổi sáng!

- How do you do? //好杜有圖 //
Ngài mạnh khỏe chứ?

- Cu li chi li ... //古魯几哩..... //
(Không chú thích nên chưa rõ dịch âm
câu gì.)

- O.K.// Tốt [...]

[9, tr.413] (1)

- O.K ! // Tốt [...]

[9, tr.414] (2)

- O.K ! // Tốt [...]

[9, tr.414] (3)

- O.K ! // Tốt [...]

[9, tr.419] (4)

- O.K ! // Tốt”

[9, tr.420] (5)

Truyện *Trị thủy* nhằm đả kích chính phủ Quốc dân đảng hủ bại, bắt lức, để cho nhân dân lưu vực các sông Hoàng Hà, Hoài Hà chết chìm trong nước lũ những năm 1931, 1933. Tác giả không quên đả kích bọn trí thức làm tay sai cho Quốc dân đảng và đế quốc, du học ở Âu Mỹ về, ăn lương của chúng, mê hoặc

nhân dân bằng các học thuyết phản động, duy tâm. Trong truyện có cả lô “học giả” ở trên núi Văn hóa sơn, hàng ngày ăn bánh mì từ nước Kì-quảng gửi tới bằng xe bay, trong lúc toàn dân phải ăn rêu, ăn lá cây cho qua ngày đói khát (*Truyện ngắn Lỗ Tấn* - Lời giới thiệu, tr.29). (1) Người trên xe bay và người dưới đất trao đổi nhau. (2), (3), (4), (5) Các vị học giả trên núi tranh luận với nhau, dùng từ “O.K!” nghĩa là đồng ý. Lỗ Tấn sử dụng tiếng Anh với hàm ý châm biếm chính phủ và bọn tay sai vô trách nhiệm chỉ lo bản thân mình, bỏ mặc nhân dân đói khát, đơn độc chống chọi với lũ.

Lỗ Tấn dùng văn ngôn, tiếng Anh. Đây là cách tạo hàm ẩn đặc trưng nhất. Dùng văn ngôn, với hàm ý vạch trần cái gàn dở của con người trí thức thời bấy giờ: việc học không đến nơi đến chốn nhưng lại thích khoe khoang. Lúc ấy đang là phong trào khuyến khích các nhà văn dùng bạch thoại để thay thế văn ngôn, vì văn ngôn là lối văn khó hiểu không thích ứng với nhu cầu sử dụng ngôn ngữ hiện đại; Nhưng, Lỗ Tấn sử dụng văn ngôn như là một nghệ thuật tạo hàm ẩn hấp dẫn. Vào thời đó dùng tiếng Anh là điều hiếm có, ông đã sử dụng tiếng Anh trong bài viết của mình với hàm ý: Thứ nhất, muốn đem ánh sáng phương Tây chiếu rọi vào đất nước Trung Quốc, ông mơ ước có một cuộc sống văn minh lịch sự, người dân không còn bị trói buộc bởi các hủ tục phong kiến; Thứ hai, châm biếm những người du học từ nước ngoài về, không mang tài năng ra giúp nước mà lại đi làm tay sai cho bọn phản động.

5. Dùng thành ngữ là cách tạo hàm ý trong truyện ngắn. Thành ngữ luôn có tính cách tu từ, được coi là hay hơn, là ý nhị hơn lời nói thường, tạo ra sự mặc nhiên hiểu nhau giữa người nói và người nghe, qua ngữ nghĩa có tính cách ước lệ, đã được thừa nhận theo truyền thống. Thành ngữ thường có hàm ý so sánh.

“- Các nhà xuất bản ở Thượng Hải à? Mua bản thảo thì tính từng chữ một. Những chỗ để trắng thì không tính tiền. Xem bài thơ bằng bạch thoại tôi làm đây này! Bao nhiêu chỗ để trắng! Chỉ được ba trăm đồng là cùng. Tiền nhuận bút hàng nửa năm mà chẳng có tin tức gì. “Nước xa không cứu được lửa gần”, ai mà chịu được! “[9, tr.182].

“Nước xa không cứu được lửa gần”, hàm ý tiền chậm trả không thể cứu được những khó khăn trong đời sống, vì hàng ngày đều phải cần đến: Com, áo, gạo, tiền. Lão Tấn ngầm nói lên hiện trạng đen tối của xã hội thời bấy giờ, người cầm bút rất khốn khó, vất óc viết ra sự thật nhưng chưa hẳn được sự đồng thuận của mọi người, kiếm miếng cơm từ các bài viết thật không đơn giản.

“- Bẩm người ta thường nói: “Trời mưa nắng không chừng”. Cái anh chồng thím ta sức vóc thế, lại còn trẻ, ai có ngờ ốm một trận thương hàn là lăn đùng ra chết... ốm đã khỏi rồi, thế mà, chỉ ăn có một bát com nguội vào, là lại trở lại” [9, tr.228].

“Trời mưa nắng không chừng”, trọn câu thành ngữ này bằng chữ Hán là: “Thiên hữu bất trắc phong vân, nhân hữu đán tịch họa phúc”. Hàm ý tai họa phát

sinh không thể dự đoán trước được. Tác giả đã truyền thông điệp: Đừng chủ quan với những điều tốt đẹp hiện có; Vì lúc bấy giờ có một số đảng phái cậy vào quyền lực bắt nạt nhân dân như: Lương Khải Siêu, Đoàn Kỳ Thụy, Chương Sĩ Chiêu..., nhưng cuối cùng rồi cũng tan rã.

6. Nói bỏ lửng là cách biểu thị hàm ý có tần suất xuất hiện cao nhất. Dấu chấm lửng “...” nhằm để người nghe tự suy ra những điều còn bỏ ngỏ, phần lớn các hàm ý đều được suy từ những nội dung do từ ngữ đứng trước mang lại.

“Chỉ vì ông ta lặn độn quá! Giá thẳng con...”

Cậu Năm Gù chưa dứt lời thì một người mặt thịt ngang phè từ ngoài đăm sầm vào. Hắn mặc chiếc áo vải màu huyền, không gài khuy, dải thắt lưng cũng màu huyền quấn ở ngoài, xộc xệch. Vừa vào, đã nói oang oang:

- Đã ăn chưa? Đỡ rồi chứ? Ông Thuyên này! May phúc cho nhà ông đây nhé! Phúc nhà ông, đây là nhờ tôi biết tin sớm...

Lão Thuyên một tay xách ấm trà, một tay buông xuống, vẻ cung kính, cười hề hề, lắng tai nghe hắn nói. Cả quán cũng cung kính lắng tai nghe hắn nói. Bà Hoa mắt cũng thâm quầng, tươi cười mang đến trước mặt hắn một cái chén, bỏ một nhúm trà và thêm vào một quả trám. Lão Thuyên liền đem nước sôi lại chế.

Người mặt thịt ngang phè vẫn nói oang oang:

- Cam đoan thế nào cũng khỏi. Thứ thuốc này đặc biệt lắm. Ông tính lấy về còn nóng hôi hôi, và ăn cũng còn nóng

hôi hỏi.

Bà Hoa cảm ơn hẳn hết lời:

- Thật đấy! Không có bác Cả Khang đây giúp cho thì đừng có hồng...

- Cam đoan thế nào cũng khỏi. Ăn còn nóng hôi hỏi thế kia mà! Bánh bao tẩm máu người như thế, lao gi ăn mà chẳng khỏi!" [9, tr.66].

"Chỉ vì ông ta lặn độn quá! Giá thẳng con...". Do từ "Giá" chỉ quan hệ phản thực đã xảy ra điều "không A". Vậy hàm ý: "Giá A thì đâu đến nỗi..." tức là giá Thuyên con không mắc chứng bệnh nan y thì ông Thuyên bố đâu đến nỗi mệt mỏi như người ốm, hai mắt lại thâm quầng đến thế; Và "Đã ăn chưa? Đỡ rồi chứ? Ông Thuyên này! May phúc cho nhà ông đấy nhé! Phúc nhà ông, đấy là nhờ tôi biết tin sớm...", nhờ biết tin sớm nên ông mới có được quả phúc như vậy. Nếu tôi không biết tin sớm thì đâu có được loại thuốc trị lao hữu hiệu này (đó là bánh bao tẩm máu người tù cách mạng vừa bị chém); Và câu: "Thật đấy! Không có bác Cả Khang đây giúp cho thì đừng có hồng...", có cấu trúc "Không có A thì đừng có hồng B (...)", đã nêu ra quan hệ nhân quả cần yếu: A = giúp; B = có thuốc trị bệnh lao, ăn vào thì bệnh sẽ khỏi ngay.

"Chú Tư nói: - Khả ồ nhỉ. Nhưng mà ...[...]" (1)

Chú Tư nói: - Nhưng mà ..." (2) [9, tr.225].

Chuyện rằng, chị Tường Lâm là người ở mượn trong nhà chú thím Tư do người đưa mối là bà Vệ dẫn đến, về lí lịch của chị không ai biết rõ, chỉ có bà Vệ là người cùng quê bảo rằng vì hoàn cảnh

chồng chết nên chị phải đi ở. Chị làm việc siêng năng nên rất được lòng chú thím Tư. Bỗng một buổi sáng bà Vệ đưa mẹ chồng của chị đến, nói là xin cho con dâu về vì ra giêng công việc nhiều mà nhà thì neo người, lúc đó chị Tường Lâm ra bờ sông vo gạo thì bị hai người đàn ông vạm vỡ bắt cóc xuống thuyền (thuyền này chở bà Vệ và mẹ chồng của chị đến). Chú Tư nghe vậy liền nói: "Khả ồ nhỉ. Nhưng mà..." (1). Từ "Nhưng" biểu hiện liên kết nghịch nhân quả, phản đứng sau "Nhưng" (dấu ...) luôn có hàm ý trái ngược với hàm ý về trước (cụm từ "Khả ồ nhỉ!"), hàm ý mặc dù cảm thấy cách cư xử của bà mẹ chồng chị Tường Lâm đối với chị là độc ác nhưng nghi ngờ bên trong nội tình có điều gì đó uẩn khúc. Sau buổi cơm trưa hôm đó, bà Vệ trở lại, thím Tư giận dữ trách rằng: "Già định đem nhà chúng tôi ra làm trò đùa cho thiên hạ đấy phỏng?". Bà Vệ sau khi phân bua ngọn ngành, nhận lỗi tại mình không cẩn thận rồi nói: "Nhất định lần này, con phải đem đến ông bà một người tử tế để chuộc tội". Chú Tư nói: "Nhưng mà..." (2), hàm ý do dự không muốn, vì nhớ lại giống như trước nữa thì thật phiền phức.

7. Dùng cách nói so sánh cũng là cách tạo hàm ý thường xuất hiện trong truyện ngắn.

"- Chỉ có điều này thôi, nhưng khó nói quá. Anh này, có lẽ xưa kia, khi con người còn man rợ, họ đã từng ăn thịt người. Nhưng rồi về sau, tâm tư thay đổi, có kẻ không ăn nữa, muốn trở nên tốt, nên họ đã trở thành người, trở thành những người chân chính. Có kẻ vẫn ăn..."

Cũng như sâu bọ, có thứ biến thành chim, cá, khi, và cuối cùng biến thành người. Có kẻ không muốn trở nên tốt, đến nay vẫn là sâu bọ. Kẻ ăn thịt người so với kẻ không ăn thịt người, xấu hổ biết mấy! Sợ còn xấu hổ hơn sâu bọ so với khi nhiều lắm.” [9, tr.48-49].

Những cách nói năng “điên” chứa rất nhiều ẩn ý. Được lập luận như sau: Xưa kia con người còn man rợ họ đã từng ăn thịt người, về sau có kẻ ý thức được muốn trở thành người tốt nên không ăn nữa, nhưng có kẻ vẫn ăn. Là con người không ăn thịt người chính là con người đích thực, nhưng vẫn ăn thịt người thì vẫn là sâu bọ (con thú). Hàm ngôn ở đây có một lý lẽ so sánh ngầm: Con thú < sâu bọ < con khi < con người. Con thú thì ăn thịt người, con người mà ăn thịt người thì chính là con thú (cách nói ẩn dụ). Chuỗi so sánh từ con thú đến con người có khoảng cách rất lớn: Sâu bọ là động vật bậc thấp, khi là động vật bậc cao, con người cấp bậc tiến hóa cao hơn sâu bọ và khi, nhưng vẫn ăn thịt người thì còn xấu hổ hơn chúng nó nhiều, tức là hạng thú bậc thấp vậy. Hàm ý do các từ hư (Nhưng..., vẫn ăn..., vẫn là..., còn...hơn...), nơi đây hàm ý muốn nói rằng kẻ đi sai đường làm tay sai cho bọn hung ác nhưng không tỉnh ngộ thì còn thua cả loài vật.

“- À, à bác Q này! Bọn mình là bạn nghèo với nhau cả, thì chắc chẳng lẽ gì...”. Triệu Bạch Nhãn rụt rè nói, cố ý dò xem ý tứ nhà cách mạng như thế nào.

- Bạn nghèo à? Anh lại không phong lưu bằng mấy tôi ấy à?” [9,

tr.154].

Lí lẽ ngầm trong lời Bạch Nhãn: “Bọn mình là bạn nghèo với nhau cả, thì chắc chẳng lẽ gì...”, nội dung dấu bỏ lửng trong câu là thông cảm không làm khó Bạch Nhãn. AQ đã dùng cách so sánh hơn kém: “Anh lại không phong lưu bằng mấy tôi ấy à?” với hàm ý bác bỏ lời Bạch Nhãn: Anh có tiền và quyền thế hơn tôi nhiều. Điều tác giả muốn nói là phẩm chất của nhà cách mạng tuy nghèo về vật chất nhưng rất thông thoáng về tinh thần. Không khuất phục trước sự giàu sang, cũng không chèn ép kẻ yếu thế.

Theo ý kiến của các nhà ngôn ngữ học, cách tạo hàm ý hội thoại phổ biến nhất là người phát ngôn vi phạm các phương châm hội thoại, vi phạm nguyên lý lịch sự. Trong “Truyện ngắn Lỗ Tấn” điều này hoàn toàn đúng, có vi phạm thì sẽ phát sinh ý nghĩa hàm ẩn, đây thuộc về nguyên tắc chung. Ngoài ra, còn có những cách thức khác tạo hàm ý hội thoại nổi bật như: Dùng văn ngôn, tiếng Anh, thành ngữ, nói bỏ lửng, nói so sánh. Trước cảnh nước nhà trong vòng tối tăm không lối thoát, người dân thì lại quá u mê, Lỗ Tấn đã gửi gắm vào trong tác phẩm của mình những trăn trở cùng sự phẫn uất bằng những ngôn từ bình dị, gần gũi nhưng hàm ý rất sâu sắc. Muốn hiểu hàm ý của Lỗ Tấn, điều then chốt là phải am tường chủ đề bài viết và hoàn cảnh sáng tác. Vì thế tìm hiểu về cách thức tạo hàm ẩn trong “Truyện ngắn Lỗ Tấn” là việc không đơn giản, yêu cầu chúng ta phải thật thấu hiểu về tâm tình của Lỗ Tấn và cách vận dụng ngôn từ của ông.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học - Ngữ dụng học*, tập II, Nxb Giáo dục.
2. Nguyễn Đức Dân (1984), “Ngữ nghĩa các từ hư: Nghĩa của cặp từ”, *Ngôn ngữ* (4).
3. Nguyễn Đức Dân (1990), “Lô gích và hàm ý trong câu trả quan hệ nhân quả”, *Ngôn ngữ* (1).
4. Nguyễn Đức Dân (1998), *Ngữ dụng học*, tập I, Nxb Giáo dục.
5. Nguyễn Đức Dân (2012), “Ngữ nghĩa các từ hư: Nghĩa của cấu trúc trừa tượng”, <http://khoavanhoc-ngonngu.edu.vn>.
6. *Lỗ Tấn, Lịch sử nghiên cứu và hiện trạng*, Vương Phú Nhân, Lương Duy Thứ, Nguyễn Thị Mai Hương dịch, Nxb Thống kê, 2004.
7. *Lỗ Tấn toàn tập*, quyển 1, Nxb Văn học Nhân dân Trung Quốc, 1981.
8. *Lỗ Tấn toàn tập*, quyển 2, Nxb Văn học Nhân dân Trung Quốc, 1981.
9. *Truyện ngắn Lỗ Tấn*, Trương Chính dịch, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2010.
10. P. Grice (1975), “Logic and Conversation”, *Syntax and Semantics, vol.3* (Eds.by Cole, P. & Morgan, J. L.).

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 15-4-2015; ngày phản biện đánh giá: 09-6-2015;
ngày chấp nhận đăng: 25-7-2015)